

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày 08 - 6- 2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Ngân.

Ông Lê Đức Lập.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hải là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Diễm L, sinh năm: 1984; cư trú tại tổ 7, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Huỳnh Văn Đ, sinh năm: 1974; cư trú tại tổ 7, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2020 và lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Diễm L trình bày:

Chị và anh Đ chung sống năm 2001 đến ngày 17/10/2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Vinh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hoà hợp, anh Đ hay ghen. Anh Đ không đánh chị nhưng không lo cho gia đình. Mâu thuẫn này chỉ có vợ chồng chị và gia đình chị biết, chính quyền địa phương và hàng xóm không biết do vợ chồng không làm lớn chuyện, cố gắng giải quyết trong êm đẹp. Vợ chồng ly thân và không còn sống chung nhà từ tháng 10/2019 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 01 con chung Huỳnh Linh T, sinh ngày 03/5/2002. Con chung đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết. Lúc trước, trong đơn khởi kiện chị có ghi có 02 con chung là Huỳnh Linh T và Trần Việt A, cháu Anh là con nuôi của chị nhưng không có giấy tờ hợp pháp việc nuôi con nên chị không đưa cháu Anh là con chung của vợ chồng chị.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

Nợ chung: Không có.

Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án anh Huỳnh Văn Đ trình bày:

Anh và chị L sống chung năm 2001, đến năm 2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Vinh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 02/2020 đến nay. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn do anh còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Có 01 con chung Huỳnh Linh T, sinh ngày 03/5/2002. Con chung đã trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh trình bày:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm. Đương sự trong vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, cho chị L và anh Đ được ly hôn; về con chung: Có 01 con chung Huỳnh Linh T, sinh ngày 03/5/2002, con chung đã trưởng thành, chị L và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận; ghi nhận chị L và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn; nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đ, cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị L là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh Đ là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, theo khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Đ chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 17/10/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Vinh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ hợp pháp.

[3.1] Qua lời trình bày của chị L và anh Đ thấy rằng: Quá trình chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là do có sự bất hòa trong đời sống vợ chồng, không có sự đồng nhất về cách nghĩ cũng như về lối sống, sinh hoạt, từ đó thiếu sự tin tưởng và không thông cảm, chia sẻ với nhau làm cho tình cảm vợ chồng bị ảnh hưởng và không giải quyết được nên vợ chồng đã sống ly thân. Lời khai của chị L, anh Đ phù hợp với lời khai của người làm chứng Trần Thị Ngọc H1 (bút lục số 36).

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị L vẫn cương quyết ly hôn, anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng được chị L chấp nhận. Như vậy, có căn cứ về việc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L và anh Đ ly hôn.

[4] Về con chung: Chị L và anh Đ có 01 con chung Huỳnh Linh T, sinh ngày 03/5/2002. Con chung đã trưởng thành, chị L và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[5] Về tài sản: Chị L và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: Chị L là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Diễm L đối với anh Huỳnh Văn Đ.

Chị Trần Thị Diễm L được ly hôn với anh Huỳnh Văn Đ.

2. Về con chung:

Chị Trần Thị Diễm L và anh Huỳnh Văn Đ có 01 con chung Huỳnh Linh T, sinh ngày 03/5/2002. Con chung đã trưởng thành, chị L và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản:

Chị Trần Thị Diễm L và anh Huỳnh Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

4. Về án phí:

Chị Trần Thị Diễm L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006776 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị Trần Thị Diễm L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thị Thanh Hằng